

Số: 1499 /QĐ-BNN-CBTTNS

Hà Nội, ngày 02 tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế sử dụng
Nhãn hiệu chứng nhận quốc gia GẠO VIỆT NAM / VIETNAM RICE**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29/11/2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ số 36/2009/QH12 ngày 19/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp và các Thông tư hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Quyết định số 706/QĐ-TTg ngày 21/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển thương hiệu gạo Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Chế biến và Phát triển thị trường Nông sản,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận quốc gia GẠO VIỆT NAM/VIETNAM RICE.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ cấp Giấy chứng nhận đăng ký Nhãn hiệu chứng nhận GẠO VIỆT NAM/ VIETNAM RICE cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Chế biến và Phát triển thị trường nông sản, Hiệp hội Lương thực Việt Nam, Thủ trưởng các đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Nguyễn Xuân Cường (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Công Thương, Khoa học và CN, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tư pháp, Thông tin và Truyền thông, Văn hóa TT&DL;
- Đảng ủy Bộ NN&PTNT;
- UBND các tỉnh/TP trực thuộc TW;
- Hiệp hội Lương thực VN;
- Lưu: VT, CBTTNS(40Đb)

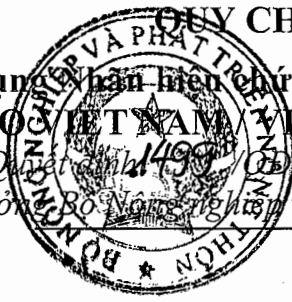
**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



Trần Thanh Nam

QUY CHẾ
Sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận quốc gia
GAO VIỆT NAM / VIETNAM RICE

(Ban hành kèm theo Quyết định 1498/QĐ-BNN-CBTTNS ngày 02/5/2018
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)



Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích

Quy chế sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận quốc gia GAO VIỆT NAM / VIETNAM RICE nhằm mục đích quảng bá sản phẩm, giữ gìn uy tín, tạo niềm tin cho người tiêu dùng, nâng cao năng lực cạnh tranh cho các sản phẩm gạo của Việt Nam trên thị trường trong nước và quốc tế.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận quốc gia GAO VIỆT NAM / VIETNAM RICE cho sản phẩm gạo được sản xuất và chế biến trên lãnh thổ Việt Nam bao gồm tất cả các khâu từ trồng trọt đến thu hoạch, xay xát, đóng gói và bảo quản.

2. Quy chế này áp dụng đối với chủ sở hữu nhãn hiệu chứng nhận, Đơn vị quản lý nhãn hiệu chứng nhận và tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận quốc gia GAO VIỆT NAM / VIETNAM RICE.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Nhãn hiệu chứng nhận quốc gia GAO VIỆT NAM / VIETNAM RICE* là nhãn hiệu được đăng ký bảo hộ theo quy định của pháp luật (sau đây gọi tắt là Nhãn hiệu chứng nhận).

2. *Yêu cầu về chất lượng gạo* là các sản phẩm gạo mang nhãn hiệu chứng nhận đáp ứng đúng, đầy đủ các yêu cầu theo Tiêu chuẩn quốc gia (TCVN).

3. *Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận quốc gia GAO VIỆT NAM / VIETNAM RICE* là giấy do Đơn vị quản lý Nhãn hiệu chứng nhận cấp cho tổ chức, cá nhân khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định tại Quy chế này.

Điều 4. Chủ sở hữu và Đơn vị quản lý Nhãn hiệu chứng nhận

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là chủ sở hữu Nhãn hiệu chứng nhận quốc gia GAO VIỆT NAM / VIETNAM RICE.

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ủy quyền cho Hiệp hội Lương thực Việt Nam (VFA) là Đơn vị quản lý Nhãn hiệu chứng nhận quốc gia GẠO VIỆT NAM / VIETNAM RICE (sau đây gọi là Đơn vị quản lý Nhãn hiệu chứng nhận).

Điều 5. Biểu trưng (Logo) của Nhãn hiệu chứng nhận

Biểu trưng của Nhãn hiệu chứng nhận quốc gia gồm phần chữ GẠO VIỆT NAM / VIETNAM RICE và phần hình được thể hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quy chế này.

Điều 6. Điều kiện được quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận

Tổ chức, cá nhân được quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận khi đáp ứng các điều kiện sau:

1. Được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư có nội dung đăng ký hoạt động sản xuất, chế biến, kinh doanh sản phẩm gạo;
2. Được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận Cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm về chế biến, bảo quản, kinh doanh gạo hoặc Cơ sở đã được cấp một trong các Giấy chứng nhận: Thực hành sản xuất tốt (GMP), Hệ thống phân tích môi nguy và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP), Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm ISO 22000, Tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (IFS), Tiêu chuẩn toàn cầu về an toàn thực phẩm (BRC), Chứng nhận hệ thống an toàn thực phẩm (FSSC 22000) hoặc tương đương còn hiệu lực;
3. Được Tổ chức chứng nhận cấp Giấy chứng nhận sản phẩm gạo phù hợp với TCVN;
4. Hoàn thành nghĩa vụ thuế;
5. Thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường.

Chương II

SẢN PHẨM VÀ CHẤT LƯỢNG GẠO MANG NHÃN HIỆU CHỨNG NHẬN QUỐC GIA GẠO VIỆT NAM / VIETNAM RICE

Điều 7. Sản phẩm gạo mang Nhãn hiệu chứng nhận

Sản phẩm gạo mang Nhãn hiệu chứng nhận gồm các loại sau:

1. Gạo trắng:
 - a) Nhóm gạo hạt dài: Hạng gạo 100% loại A, 100% loại B, 5% và 10%;
 - b) Nhóm gạo hạt ngắn: Hạng gạo 5% và 10%.
2. Gạo thơm trắng: Nhóm gạo hạt dài và hạt ngắn, hạng gạo 100% loại A, 5% và 10%;
3. Gạo nếp trắng: Từ hạng gạo 10% trở lên.

Điều 8. Chất lượng sản phẩm mang Nhãn hiệu chứng nhận

1. Sản phẩm gạo mang Nhãn hiệu chứng nhận đáp ứng các yêu cầu về chất lượng của các tiêu chuẩn quốc gia sau:

- a) Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11888:2017 Gạo trắng;
- b) Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11889:2017 Gạo thơm trắng;
- c) Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 8368:2010 Gạo nếp trắng.

2. Khi có sự thay đổi phiên bản TCVN thì phải đáp ứng theo phiên bản mới nhất.

Điều 9. Tổ chức chứng nhận sản phẩm gạo phù hợp TCVN

1. Điều kiện đối với Tổ chức chứng nhận sản phẩm gạo phù hợp TCVN:

Đáp ứng điều kiện kinh doanh dịch vụ chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý theo Nghị định 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm gạo phù hợp TCVN.

2. Tổ chức chứng nhận đáp ứng điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này có nhu cầu thực hiện việc chứng nhận sản phẩm gạo phù hợp TCVN phục vụ cho việc đăng ký quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận gửi thông báo cho Đơn vị quản lý Nhãn hiệu chứng nhận để theo dõi và công bố trên Cổng thông tin điện tử www.vietfood.org.vn.

Chương III

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA ĐƠN VỊ QUẢN LÝ NHÃN HIỆU VÀ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN SỬ DỤNG NHÃN HIỆU CHỨNG NHẬN

Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của Đơn vị quản lý Nhãn hiệu chứng nhận


1. Phổ biến và cung cấp đầy đủ thông tin về trách nhiệm, quyền lợi của tổ chức, cá nhân sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận;

2. Tiếp nhận đăng ký sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận của tổ chức, cá nhân theo quy định tại Quy chế này;

3. Tổ chức triển khai các hoạt động cấp, đình chỉ, thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận theo quy định tại Quy chế này;

4. Tổ chức kiểm tra việc sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận của tổ chức, cá nhân được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận;

5. Ban hành các quy định về việc in ấn Nhãn hiệu chứng nhận và chi phí của tổ chức, cá nhân phải trả khi sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận;

6. Tiếp nhận và giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo về các hành vi vi phạm Quy chế này. 

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận

1. Quyền lợi:

a) Được sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận kèm nhãn hiệu riêng của tổ chức, cá nhân trên bao bì sản phẩm, phương tiện kinh doanh, quảng cáo và các giấy tờ giao dịch khác cho sản phẩm gạo đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận;

b) Được khai thác, sử dụng và hưởng các lợi ích kinh tế phát sinh từ Nhãn hiệu chứng nhận;

c) Được tham gia các chương trình quảng bá, phát triển Nhãn hiệu chứng nhận quốc gia GẠO VIỆT NAM / VIETNAM RICE trên các phương tiện truyền thông.

2. Nghĩa vụ:

a) Sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận theo mẫu quy định tại Điều 5 Quy chế này và hướng dẫn của Đơn vị quản lý Nhãn hiệu chứng nhận;

b) Chỉ được sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận cho các loại sản phẩm gạo đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận;

c) Đảm bảo chất lượng sản phẩm mang Nhãn hiệu chứng nhận; duy trì, bảo vệ và phát triển giá trị tài sản trí tuệ đối với Nhãn hiệu chứng nhận;

d) Thông báo đến Đơn vị quản lý Nhãn hiệu chứng nhận khi không còn nhu cầu sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận;

đ) Nộp chi phí theo quy định cho hoạt động cấp và duy trì hiệu lực Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận;

e) Báo cáo tình hình sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận định kỳ vào ngày 25 tháng 12 hàng năm và đột xuất khi có yêu cầu của Đơn vị quản lý Nhãn hiệu chứng nhận.

Điều 12. Các hành vi vi phạm Quy chế sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận

1. Làm trái các quy định của Quy chế này;

2. Những hành vi xâm phạm quyền sở hữu và quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận theo quy định của pháp luật;

3. Tự ý chuyển giao quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận dưới bất kỳ hình thức nào, kể cả trường hợp tự cho phép sử dụng giữa các đơn vị thành viên trực thuộc hoặc đơn vị chủ quản.

Chương IV

SỬ DỤNG NHÃN HIỆU CHỨNG NHẬN

Điều 13. Cấp quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận

1. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện Giấy đăng ký sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận và bản sao các tài liệu theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quy chế này cho Đơn vị quản lý Nhãn hiệu chứng nhận.

2. Trường hợp Giấy đăng ký không hợp lệ thì chậm nhất là sau 05 (năm) ngày làm việc, Đơn vị quản lý Nhãn hiệu chứng nhận có văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện.

3. Trong thời hạn tối đa 10 (mười) ngày làm việc sau khi nhận được Giấy đăng ký hợp lệ của tổ chức, cá nhân, Đơn vị quản lý Nhãn hiệu chứng nhận cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận;

4. Đơn vị quản lý Nhãn hiệu chứng nhận có trách nhiệm thông báo công khai trên Cổng thông tin điện tử www.vietfood.org.vn Danh sách tổ chức, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận.

Điều 14. Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận

1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận quốc gia GAO VIỆT NAM / VIETNAM RICE bao gồm các nội dung theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quy chế này.

2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận có thời hạn là 05 (năm) năm kể từ ngày cấp.

3. Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu được lập 01 (một) bản chính trao cho tổ chức, cá nhân. Đơn vị quản lý Nhãn hiệu chứng nhận mở sổ theo dõi việc cấp, đình chỉ và thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận.

Điều 15. Sửa đổi, bổ sung và cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận

1. Những trường hợp sau đây được sửa đổi, bổ sung và cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận:

- a) Giấy chứng nhận hết hạn;
- b) Có sự thay đổi nội dung thông tin trong Giấy chứng nhận đã cấp;
- c) Giấy chứng nhận bị mờ, rách nát, thất lạc.

2. Trình tự, thủ tục sửa đổi, bổ sung và cấp lại Giấy chứng nhận:

a) Trường hợp Giấy chứng nhận hết hạn: Trình tự, thủ tục thực hiện như cấp Giấy chứng nhận lần đầu;

b) Trường hợp Giấy chứng nhận thay đổi nội dung thông tin hay bị mờ, rách nát, thất lạc: Tổ chức, cá nhân gửi văn bản đến Đơn vị quản lý Nhãn hiệu chứng nhận nêu rõ lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung, cấp lại và kèm theo Giấy chứng nhận gốc (trừ trường hợp bị thất lạc).

Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, Đơn vị quản lý Nhãn hiệu chứng nhận cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận. ✓

Trường hợp không cấp lại Giấy chứng nhận, Đơn vị quản lý Nhãn hiệu phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân.

Điều 16. Đình chỉ quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận

1. Tổ chức, cá nhân bị đình chỉ quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận trong trường hợp không đáp ứng một trong các điều kiện quy định tại Điều 6 của Quy chế này.

2. Thời hạn tạm đình chỉ tối đa không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày Đơn vị quản lý nhãn hiệu ra Quyết định đình chỉ.

3. Trong thời hạn bị đình chỉ, tổ chức, cá nhân không được sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận quốc gia GẠO VIỆT NAM / VIETNAM RICE dưới bất kỳ hình thức nào.

4. Tổ chức, cá nhân được quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận trở lại khi đã khắc phục được những vi phạm và gửi báo cáo kết quả khắc phục kèm theo tài liệu chứng minh và được Đơn vị quản lý Nhãn hiệu chứng nhận ra Quyết định cho phép sử dụng lại.

Điều 17. Thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận

1. Tổ chức, cá nhân bị thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận trong các trường hợp sau:

a) Khi không còn nhu cầu sử dụng và tự đề nghị thu hồi;

b) Sau 06 (sáu) tháng bị đình chỉ vẫn chưa khắc phục được vi phạm;

c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc bị giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật;

d) Khi vi phạm quy định tại Điều 12 Quy chế này.

2. Khi bị thu hồi Giấy chứng nhận, tổ chức, cá nhân phải dừng ngay việc sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận dưới bất kỳ hình thức nào.

3. Tổ chức, cá nhân không được xem xét cấp lại Giấy chứng nhận trong vòng 01 (một) năm tính từ ngày ra Quyết định thu hồi.

4. Đơn vị quản lý nhãn hiệu thông báo công khai trên Cổng thông tin điện tử www.vietfood.org.vn danh sách tổ chức, cá nhân bị thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận.

Điều 18. Kiểm tra việc sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận

1. Đơn vị quản lý Nhãn hiệu chứng nhận phối hợp với các đơn vị có liên quan, địa phương tiến hành kiểm tra đối với tổ chức, cá nhân sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận trên địa bàn như sau:

a) Kiểm tra sau cấp Giấy chứng nhận trong vòng 01 (một) năm kể từ ngày cấp;

b) Kiểm tra định kỳ 02 (hai) năm một lần kể từ năm thứ hai trở đi.

2. Thành lập Tổ kiểm tra việc sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận:

Tổ kiểm tra do Đơn vị quản lý Nhãn hiệu chứng nhận quyết định thành lập. Tổ kiểm tra gồm 05 (năm) thành viên, trong đó có ít nhất 02 (hai) thành viên là chuyên gia về lúa gạo.

3. Nội dung kiểm tra:

a) Kiểm tra hồ sơ, tài liệu gốc về điều kiện được quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận;

b) Kiểm tra hiện trạng cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh gạo;

c) Lấy mẫu sản phẩm để phân tích các chỉ tiêu chất lượng trong trường hợp xét thấy chất lượng gạo không đạt TCVN.

4. Biên bản kiểm tra:

Biên bản được lập theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Quy chế này.

Điều 19. Kinh phí phục vụ việc quản lý sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận

1. Từ nguồn thu của người sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận.

2. Từ các nguồn tài trợ, các khoản thu hợp pháp khác.

Điều 20. Phát hiện, xử lý vi phạm và giải quyết tranh chấp

1. Bất kỳ tổ chức, cá nhân nào phát hiện hành vi vi phạm Quy chế và xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với Nhãn hiệu chứng nhận này đều có quyền thông báo cho Đơn vị quản lý Nhãn hiệu chứng nhận hoặc chủ sở hữu Nhãn hiệu.

2. Chủ sở hữu Nhãn hiệu chứng nhận có trách nhiệm yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền áp dụng các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật khi phát hiện có hành vi xâm phạm quyền sở hữu đối với Nhãn hiệu chứng nhận.

3. Cơ chế giải quyết tranh chấp:

a) Đối với tranh chấp xảy ra trong nội bộ giữa các thành viên được cấp quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận, Đơn vị quản lý Nhãn hiệu chịu trách nhiệm chủ trì giải quyết;

b) Đối với các tranh chấp về Nhãn hiệu chứng nhận với bên ngoài (của thành viên được quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận hoặc Đơn vị quản lý Nhãn hiệu chứng nhận với các tổ chức, cá nhân bên ngoài) thì Đơn vị quản lý Nhãn hiệu chứng nhận đại diện giải quyết theo quy định của pháp luật;

c) Đối với các tranh chấp giữa Đơn vị quản lý Nhãn hiệu chứng nhận với các tổ chức, cá nhân sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận, giải quyết theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ và pháp luật khác có liên quan.

Chương V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Điều khoản thi hành

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện việc ủy quyền cho Hiệp hội Lương thực Việt Nam quản lý sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận quốc gia GẠO VIỆT NAM/VIETNAM RICE theo quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Trách nhiệm của Hiệp hội Lương thực Việt Nam:

a) Tổ chức triển khai thực hiện quản lý sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận theo quy định tại Quy chế này trong phạm vi được ủy quyền;

b) Phối hợp với các cơ quan chức năng, tổ chức chứng nhận, các tổ chức, cá nhân có liên quan đẩy mạnh việc sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận nhằm nâng tầm sản phẩm gạo Việt Nam trên thị trường thế giới.

3. Các tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu gặp khó khăn, vướng mắc, phản ánh kịp thời về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để giải quyết và xem xét, điều chỉnh Quy chế cho phù hợp./.

KT. BỘ TRƯỞNG
TRẦN THANH NAM



Trần Thanh Nam

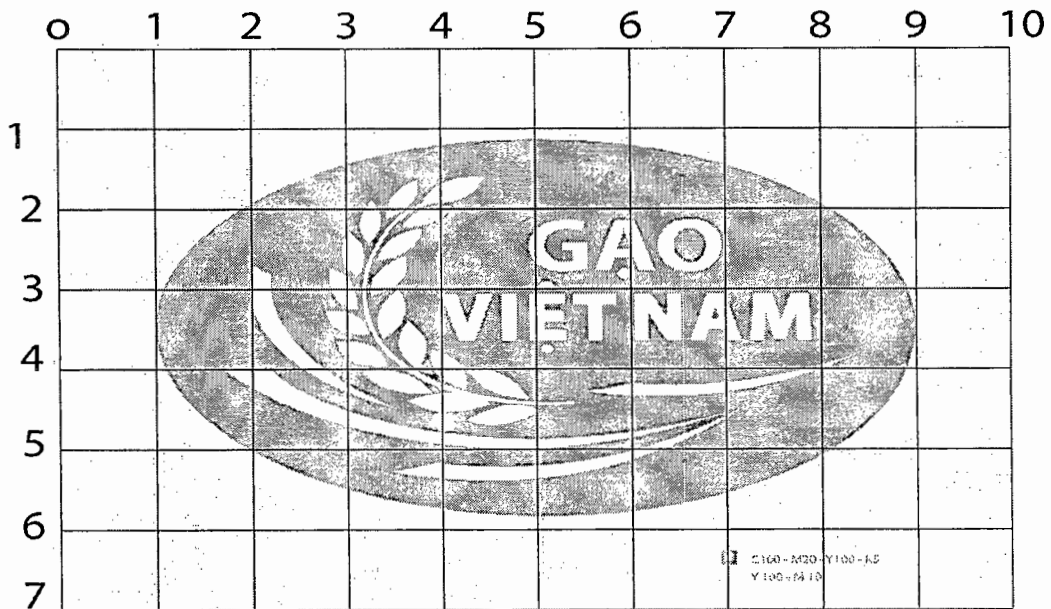
Phụ lục I

**NHÃN HIỆU CHỨNG NHẬN QUỐC GIA
GAO VIỆT NAM VIETNAM RICE**

(Ban hành kèm theo Quyết định 02/2018/QĐ-NN-CBTTNS ngày 02/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)



BẢN VẼ KỸ THUẬT (ĐỂ PHÓNG LỚN KHI ĐÚC, KHẮC THỦ CÔNG)



Phụ lục II
MẪU GIẤY ĐĂNG KÝ SỬ DỤNG NHÃN HIỆU
CHỨNG NHẬN QUỐC GIA GẠO VIỆT NAM / VIETNAM RICE
(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~1499~~ /QĐ-BNN-CBTTNS ngày ~~02~~ / 5 / 2018
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐĂNG KÝ
SỬ DỤNG NHÃN HIỆU CHỨNG NHẬN QUỐC GIA
GẠO VIỆT NAM / VIETNAM RICE

Kính gửi: Hiệp hội Lương thực Việt Nam

1. Tên Tổ chức/cá nhân (viết bằng chữ in hoa):.....

Tên viết tắt.....

Tên giao dịch: bằng tiếng nước ngoài (nếu có).....

2. Trụ sở chính:

Địa chỉ :.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Email: Website (nếu có);.....

3. Người đại diện pháp luật:

- Họ và tên: Chức vụ Quốc tịch.....

Sau khi nghiên cứu Quy chế sử dụng Nhãn hiệu chứng quốc gia GẠO VIỆT NAM / VIETNAM RICE được ban hành theo Quyết định số ~~1499~~/QĐ-BNN-CBTTNS ngày ~~02~~ / 5 / 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Đơn vị chúng tôi đã đáp ứng đầy đủ điều kiện theo quy định tại Điều 6 của Quy chế để được quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận như sau:

1) Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư có đăng ký hoạt động sản xuất, chế biến, kinh doanh sản phẩm gạo: Ngày cấp Cơ quan cấp

2) Số Giấy chứng nhận Cơ sở đủ điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm hoặc một trong các Giấy chứng nhận: GMP / HACCP / ISO 22000 / IFS/BRC / FSSC 22000: Ngày cấp Cơ quan cấp

3) Số Giấy chứng nhận sản phẩm gạo phù hợp với TCVN:.....
Ngày cấp.....Cơ quan cấp.....;

4) Số hiệu Biên bản quyết toán thuế;

5) Kết quả quan trắc môi trường đạt yêu cầu trong năm gần nhất:.....Ngày lậpCơ quan lập.....;

Chúng tôi xin gửi kèm theo bản sao các tài liệu trên.

Đề nghị Hiệp hội Lương thực Việt Nam cấp **Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận quốc gia GẠO VIỆT NAM / VIETNAM RICE** cho các sản phẩm gạo sau: *(Ghi tên sản phẩm theo quy định tại Điều 7 của Quy chế)*.....
.....
.....

4. Phần cam kết: *(Tên tổ chức/cá nhân)*.....xin cam kết:

- Chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của các nội dung trong Giấy đăng ký sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận quốc gia GẠO VIỆT NAM / VIETNAM RICE.

- Chấp hành nghiêm các quy định của Quy chế sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận quốc gia GẠO VIỆT NAM / VIETNAM RICE và các quy định khác của pháp luật có liên quan đến sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận này./.

....., ngày..... tháng..... năm.....
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục III

**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG NHÃN HIỆU
CHỨNG NHẬN QUỐC GIA GẠO VIỆT NAM/VIETNAM RICE**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1499 /QĐ-BNN-CBTTNS ngày 02 / 5 / 2018
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

HIỆP HỘI LƯƠNG THỰC VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

**QUYỀN SỬ DỤNG NHÃN HIỆU CHỨNG NHẬN QUỐC GIA
GẠO VIỆT NAM / VIETNAM RICE**

- Tên tổ chức/cá nhân: Tên viết tắt:
- Tên giao dịch quốc tế:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại, Fax, Email, Website (nếu có):
- Sản phẩm gạo:

Được quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận quốc gia GẠO VIỆT NAM / VIETNAM RICE kể từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...

- Quyền lợi và nghĩa vụ của đơn vị được cấp Giấy chứng nhận thực hiện theo Quy chế sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận quốc gia GẠO VIỆT NAM / VIETNAM RICE được ban hành theo Quyết định số 1499 /QĐ- BNN-CBTTNS ngày 02/ 5 /2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

TP. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm

CHỦ TỊCH

Số GCN:.....

Phụ lục IV

MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1493/QĐ-BNN-CTTNS ngày 02 / 5 / 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIÊN BẢN KIỂM TRA CƠ SỞ SỬ DỤNG NHÃN HIỆU CHỨNG NHẬN
QUỐC GIA GẠO VIỆT NAM / VIETNAM RICE**

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Quyết định thành lập Tổ kiểm tra:.....

2. Ngày kiểm tra:

3. Tên cơ sở:

- Địa chỉ:

- Điện thoại:.....Fax:Email:

- Người đại diện pháp luật: Chức vụ:

4. Thành phần Tổ kiểm tra:

Tổ trưởng: Ông (bà):..... Chức vụ:.....

Thành viên: Ông (bà):Chức vụ:.....

Thành viên: Ông (bà):Chức vụ:.....

Thành viên: Ông (bà):Chức vụ:.....

Thành viên: Ông (bà):Chức vụ:.....

B. NỘI DUNG KIỂM TRA

I. Kiểm tra hồ sơ về điều kiện để được cấp quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận

1. Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động sản xuất, chế biến, kinh doanh sản phẩm gạo;

2. Giấy chứng nhận Cơ sở đủ điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm; hoặc Giấy chứng nhận: GMP/ HACCP/ISO 22000/IFS/BRC/FSSC 22000,...

3. Giấy chứng nhận sản phẩm gạo phù hợp với TCVN;

4. Tài liệu chứng minh cơ sở đã hoàn thành nghĩa vụ thuế;

5. Tài liệu chứng minh cơ sở đã thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường.

Kết quả:

3

.....

II. Kiểm tra thực tế

1. Kiểm tra, đánh giá vùng nguyên liệu của doanh nghiệp hoặc vùng liên kết sản xuất lúa với nông dân và tổ chức kinh tế hợp pháp khác.

.....

.....

2. Kiểm tra, đánh giá điều kiện đảm bảo vệ sinh ATTP của cơ sở.

.....

.....

3. Kiểm tra nhà xưởng, trang thiết bị cơ sở xay xát và quy trình chế biến, bảo quản gạo.

.....

.....

4. Kiểm tra, đánh giá cảm quan chất lượng sản phẩm gạo đăng ký sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận. Lấy mẫu gửi phân tích, chỉ định chỉ tiêu phân tích và chỉ định phòng thử nghiệm (nếu xét thấy cần thiết).

.....

.....

5. Kiểm tra việc sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận

Kết quả:

.....

C. Ý KIẾN CỦA TỔ KIỂM TRA:.....

.....

.....

D. Ý KIẾN CỦA ĐẠI DIỆN CƠ SỞ:.....

.....

Biên bản được các bên thống nhất thông qua và làm thành 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau, Cơ sở được kiểm tra giữ 01 bản, Đơn vị quản lý Nhãn hiệu chứng nhận giữ 01 bản./.

..., ngày ... tháng ... năm

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu-nếu có)

..., ngày ... tháng ... năm

TỔ TRƯỞNG TỔ KIỂM TRA

(Ký, ghi rõ họ tên)